

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

CAO THỊ XUÂN MỸ*

TÓM TẮT

Ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) là công cụ giao tiếp đặc thù của người khiếm thính. Nó có từ bao giờ và đã trải qua quá trình phát triển như thế nào? Bài viết đi tìm câu trả lời cho câu hỏi đó.

Từ khóa: ngôn ngữ kí hiệu, người khiếm thính.

ABSTRACT

The creation and development of sign languages

Sign language is a specific means of communication for people with hearing impairment. The article aims to study the creation and development of sign languages.

Keywords: sign language, people with hearing impairment.

1. Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp hữu dụng nhất của con người. Có ngôn ngữ con người có thể nghe, nói, đọc, viết để khám phá thế giới muôn màu. Người khiếm thính do khả năng nghe bị suy giảm nên khả năng phát âm hạn chế, vì thế họ cực kì khó khăn trong vấn đề giao tiếp – một nhu cầu bức thiết trong cuộc sống hằng ngày. Để đáp ứng nhu cầu giao tiếp, cộng đồng người khiếm thính phải sử dụng thứ ngôn ngữ riêng, được gọi là NNNKH. Vậy loại hình ngôn ngữ đặc biệt đã hình thành và phát triển như thế nào?

2. Theo nghiên cứu về nguồn gốc NNNKH của David F. Armstrong và Sherman Wilcox thì: “NNKH, hay chí ít là hệ thống kí hiệu, đã được xác định xuất hiện trong quá trình nghe của con người dưới những điều kiện sau đây: (i) Trong cộng đồng tu sĩ đạo cơ đốc với

cuộc sống theo quy luật im lặng (theo Barakat, 1975); (ii) Như là một loại ngôn ngữ đặc biệt của phụ nữ thổ dân Úc (theo Kendon, 1989; Umiker - Sebeok và Sebeok, 1978); (iii) Như là một loại ngôn ngữ bản địa chung trong cộng đồng người da đỏ ở đồng bằng Bắc Mỹ (theo Umiker-Sebeok và Sebeok, 1978); (iv) Trong số những công nhân khắc khổ làm việc trong môi trường đầy tiếng ồn (theo Meissner và Phillipot, 1975) và (v) Dùng cho những người thợ săn khi tránh gây tiếng động cho thú săn (theo Armstrong, 1999). Hệ thống quy tắc hay ngôn ngữ, thực tế, dường như đã phổ biến trong các xã hội tiền đồ đá mới, và điều này có thể dùng như một bằng chứng của dòng dõi cổ xưa của họ. Có lẽ một lượng đáng kể những người khiếm thính sống trong những xã hội này, đặc biệt là những người lớn tuổi là những người bị mất thính lực, có thể là không ít.” (Deaf Studies, Language and Education,

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

tr.312).

Từ trước Công nguyên, Aristotle (384-322 TCN), triết gia vĩ đại của Hi Lạp đã từng tuyên bố: “Người điếc không thể giáo dục được. Nếu không nghe được, con người không thể học được” (theo Harry G. Lang – *Perspectives on the History of Deaf Education*, tr.10).

Điều đó đồng nghĩa với việc người khiếm thính đứng bên lề cuộc sống vì họ không thể giao tiếp, không thể học hành. Tình trạng đó kéo dài đến tận thế kỉ XVI – thời Phục Hưng - tất cả thay đổi khi Geronimo Cardano, một nhà toán học, một bác sĩ người Ý, tuyên bố rằng cộng đồng người khiếm thính nên được chăm sóc và giáo dục để có thể giao tiếp với thế giới. Ông nói thêm rằng người khiếm thính có thể được dạy để truyền đạt những suy nghĩ và ý tưởng của họ thông qua các hình ảnh và biểu tượng chứ không phải là các từ và cụm từ.

Từ đó, người ta tập trung nghiên cứu hình thức giao tiếp của những người khiếm thính và nhận thấy họ đã sử dụng bàn tay để đánh vần những chữ cái. Việc đánh vần bằng ngón tay, sử dụng vị trí bàn tay để thể hiện bảng chữ cái được xem là yếu tố lịch sử sống động của việc giao tiếp bằng bàn tay. Vị trí của các ngón tay của bàn tay thực hiện động tác, trong một chừng mực nào đó, tương tự như các chữ cái trong bảng chữ cái. Việc minh họa cho bảng chữ cái bằng dấu hiệu tay được tìm thấy là đã có từ đầu giai đoạn lịch sử, khi Chúa Giêsu ra đời cho đến nay. Kinh thánh Latin thế kỉ thứ X cũng cho thấy những bản vẽ các vị trí bàn

tay như vậy và được cho là có những người bị bắt buộc sống trong sự im lặng, như là các thầy tu thời trung cổ, đã sử dụng việc đánh vần các ngón tay như là một phương tiện giao tiếp.

Vào năm 1620, Juan Pablo Bonet (1573-1633), một linh mục người Tây Ban Nha, đã xuất bản cuốn sách đầu tiên về các kí hiệu giao tiếp của người khiếm thính tại Madrid (theo Butterworth & Flodin, 1995). Trong cuốn sách này, tác giả công bố bảng chữ cái ngón tay dựa trên nền tảng các kí hiệu mà những kí hiệu này đã được cộng đồng người khiếm thính phát triển theo bản năng từ trước. Từ đó, người ta bắt đầu quan tâm đến vấn đề giáo dục người khiếm thính, giao tiếp với người khiếm thính, NNKH của người khiếm thính..., đặc biệt là ở Pháp.

Tại Paris, năm 1755, cha Charles Michel de L'Eppe (được coi là người khai sinh ra hệ thống NNKH Pháp) thành lập trường học miễn phí đầu tiên dành cho người điếc - Viện Nationale des Sourds-Muets à Paris. Dựa trên cuốn sách của Juan Pablo Bonet, ông đã cùng Pierre Desloges – một người khiếm thính mắc phải (do bị bệnh đậu mùa) lí giải việc hình thành của fingerspelling (đánh vần bằng tay) và xây dựng thêm các cử chỉ mang ý nghĩa cho toàn bộ cụm từ hoặc các từ trong giao tiếp. Hệ thống kí hiệu tiếp tục được phát triển và được cộng đồng người điếc Pháp sử dụng, đó là cuốn sách: *Un Cours élémentaire d'éducation des sourds et muets* (An Elementary Course of Education for the Deaf) (Amsterdam and Paris: Morin,

1779) viết về NNKH Pháp (LSF) và là một trong những cuốn sách về NNKH sớm nhất trên thế giới: “Do vậy, cho đến khi quyển sách của Pierre Desloges ra đời năm 1779 thì trên thực tế chúng ta không có được thông tin nào về nội dung của NNKH. Desloges là người đầu tiên nói đến cơ cấu của NNKH.” (theo Lane, 1984). Hệ thống NNKH của Pháp đã được hoàn thiện trong giai đoạn này – cuối thế kỉ XVIII - là hệ thống NNKH hoàn thiện sớm nhất trên thế giới và ảnh hưởng không nhỏ đến NNKH của nhiều nước.

Sang thế kỉ XIX, Thomas Hopkins Gallaudet người Philadelphia (Hoa Kỳ) sau khi lấy bằng Thạc sĩ về luật tại đại học Yale (năm 1808), đã nghiên cứu về nhiều lĩnh vực như thần học, kinh tế... Năm 1814, ông trở thành mục sư sau 2 năm nghiên cứu ở Andover Theological Seminary. Tuy nhiên, từ khi gặp cô bé Alice (9 tuổi, bị điếc) con của người láng giềng là tiến sĩ Mason Cogswell, ông đã chuyển hướng hoạt động. Ông cùng Mason Cogswell sang châu Âu nghiên cứu phương pháp giáo dục dành cho người khiếm thính. Họ đã đến Scotland, rồi đến Anh. Tại Anh ông đã gặp Abbé Sicard, người đứng đầu viện Nationale des Sourds-Muets à Paris và hai trợ giảng khiếm thính là Laurent Clerc và Jean Massieu. Sicard mời Gallaudet đến Paris tìm hiểu về phương pháp giảng dạy của trường. Gallaudet rất ấn tượng với phương pháp giảng dạy của Sicard và ông đã học NNKH từ Massieu và Clerc. Gallaudet đã thuyết phục Laurent Clerc

sang Hoa Kỳ hỗ trợ ông thành lập trường cho người khiếm thính (theo Harry G. Lang – *Perspectives on the History of Deaf Education*, tr.12). Trở lại Hoa Kỳ, Gallaudet và Laurent Clerc đã vận động nhiều nguồn quỹ để mở một trường công đầu tiên dành cho người khiếm thính tại Hartford, Connecticut năm 1817. Đây là cái nôi của người khiếm thính Hoa Kỳ. Nhiều năm sau đó, Thomas Hopkins Gallaudet đã giúp thành lập nhiều trường học cho người khiếm thính...

Ông đã mơ ước về một trường đại học, và con trai ông, Edward Miner Gallaudet, đã thực hiện giấc mơ đó - người thành lập Trường Đại học Gallaudet, trường đại học đầu tiên và duy nhất dành cho người điếc tọa lạc tại Washington. Quyết định thành lập trường đã được Tổng thống Abraham Lincoln kí vào năm 1864 (theo Wilcox, 2001). Khởi đầu bằng những kí hiệu xuất phát từ Laurent Clerc – người Pháp, NNKH Mỹ (American Sign Language - ASL) buổi đầu có pha trộn những kí hiệu xuất xứ từ Pháp đã dần dần hình thành và phát triển mạnh mẽ. ASL kết hợp cử chỉ và đánh vần bằng tay (fingerspelling) để tạo câu và cụm từ giúp cho cộng đồng người khiếm thính có thể giao tiếp dễ dàng với “phần còn lại của thế giới”. Ngoài các sách đơn thuần về các kí hiệu cơ bản, năm 1965, William Stokoe xuất bản cuốn sách ngôn ngữ học đầu tiên về NNKH Mỹ: *A dictionary of American sign languages on linguistic principles*, và năm 1979, Klima và Bellugi tiến hành nghiên cứu đầu tiên về NNKH Mỹ trên

phương diện ngôn ngữ học.

ASL được đánh giá “là một trong những hệ thống NNKH hoàn chỉnh và cải tiến nhất trên thế giới, được phổ biến và sử dụng nhiều nơi trên thế giới”. Ngày càng nhiều các tiểu bang ở Hoa Kỳ đã thông qua đạo luật nhìn nhận NNKH Mĩ (ASL) như một ngoại ngữ và cho phép các trường trung học và đại học chấp nhận nó như một tiêu chí ngoại ngữ. Tháng 7-1977, 28 bang đã thông qua đạo luật này và nhiều trường cao đẳng và đại học (kể cả các đại học ở California, Massachusetts, Institute of Technology, Brown university, Georgetown University và University of Washington) chấp nhận ASL như một tín chỉ ngoại ngữ bắt buộc hoặc tự chọn cho tất cả sinh viên.

Năm 1924, World Games đầu tiên dành cho người khiếm thính được tổ chức. Từ những hoạt động mang tầm quốc tế này đã khiến người ta nghĩ về một NNKH chuẩn quốc tế. Hội nghị của Liên đoàn Khiếm thính Thế giới năm 1951 (tổ chức tại Roma) đã bàn đến vấn đề đó. Đến năm 1973, một hệ thống kí hiệu chuẩn quốc tế (được gọi là Gestuno - bằng tiếng Ý) đã ra đời. Hội đồng biên soạn cho ấn hành thành sách với khoảng 1500 kí hiệu. Họ đã cố gắng chọn những kí hiệu dễ hiểu nhất từ nhiều NNKH cho Gestuno. Tuy nhiên, do Gestuno được nhìn như **một hệ thống những điệu bộ** và không có một ngữ pháp cụ thể, nên nhiều người cho rằng nó chưa phải là một ngôn ngữ. Vì vậy, nó chỉ thực sự hữu ích trong các sự kiện như hội nghị hay Olympic thể

thao quốc tế cho người khiếm thính chứ không thể là NNKH dùng chung cho tất cả cộng đồng khiếm thính trên thế giới.

NNKH bắt đầu được công nhận là loại hình ngôn ngữ hình ảnh phức tạp, đầy đủ với cấu trúc và ngữ pháp khác nhiều so với các ngôn ngữ nói. NNKH tồn tại trên toàn thế giới, mỗi người khiếm thính đến với nhau bằng vốn từ vựng và các quy tắc kí hiệu riêng của mình. Mặc dù là ngôn ngữ hình ảnh đặc biệt, nhưng các hệ thống NNKH có rất nhiều điểm chung và nhiều điểm chung hơn so với ngôn ngữ nói.

Hiện tại, theo Chỉ số dân tộc học (The Ethnologue Index) liệt kê, **có 103 NNKH** được sử dụng trên khắp thế giới. Giống như những ngôn ngữ khác, để được sử dụng, duy trì và phát triển, NNKH cần có một lượng người sử dụng. Tuy nhiên, trong nhiều xã hội, người khiếm thính sống trong những cộng đồng không đủ đông để duy trì một NNKH thực sự. Do đó, vấn đề xảy ra là mỗi cá nhân khiếm thính phát triển một hệ thống kí hiệu giao tiếp được thoả thuận (an agreed contact signing system) để sử dụng với những người thân hay những láng giềng của mình – như tình trạng kí hiệu mang tính vùng miền của Việt Nam hiện nay.

3. Ở Việt Nam - Trường Cam Địch Lái Thiêu, tiền thân của Trung tâm Giáo dục Trẻ khuyết tật Thuận An¹ là cái nôi nuôi dưỡng và đào tạo người khiếm thính. Trường được linh mục chính xứ họ đạo Lái Thiêu tên Azemar (còn được gọi là cha Lực) thành lập năm 1886. Từ năm

1866, cha Azemar lúc bấy giờ là cha sở họ đạo Lái Thiêu đã quy tụ khoảng 5 trẻ điếc để dạy ngôn ngữ và đạo đức. Đến năm 1880, cha gửi Nguyễn Văn Trường - một thanh niên câm điếc - sang Pháp để học về phương pháp dùng kí hiệu ngôn ngữ. Khi anh Trường về nước, cha Azemar chính thức tuyên bố mở trường dạy trẻ điếc vào năm 1886. Vì thế, NNNK của Việt Nam cũng xuất phát từ

NNKH Pháp (LSF) và hiện nay còn nhiều kí hiệu cơ bản giống kí hiệu của Pháp. Tuy nhiên, do hoàn cảnh chiến tranh kéo dài, nên sau 38 năm thống nhất, Việt Nam vẫn chưa có điều kiện thống nhất những kí hiệu giao tiếp cơ bản, chưa nghiên cứu để xác định và hình thành cho mình một hệ thống NNNK thực sự mang tên *Vietnamese Sign Language*.

¹ Đơn vị trực thuộc Trường Đại học Sư phạm TP HCM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Butterworth, R. & Flodin, M. (1995), *History of Sign Language American, Pedigree Visual Dictionary*, Berkley.
2. Lottie L. Riekehof (1981), *The Joy of Singing*, Gospel Publishing House, The United States of America.
3. Marc Marschark Patricia Elizabeth Spencer (2003), *Deaf Studies, Language, and Education*, Oxford University Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 08-5-2013; ngày phản biện đánh giá: 17-5-2013;
ngày chấp nhận đăng: 21-5-2013)